

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		254.892.332.548	277.830.129.774
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.173.115.700	7.961.236.337
1. Tiền	111		5.173.115.700	7.961.236.337
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.290.671.105	1.290.671.105
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.399.671.105	2.399.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-1.109.000.000	(1.109.000.000)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.090.139.447	168.695.076.518
1. Phải thu khách hàng	131		107.418.235.372	156.389.989.962
2. Trả trước cho người bán	132		9.847.638.936	9.765.682.605
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	9.807.758.917	5.522.897.729
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-2.983.493.778	(2.983.493.778)
IV- Hàng tồn kho	140		83.362.294.874	68.575.388.972
1. Hàng tồn kho	141	V.04	83.774.085.576	68.987.179.674
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-411.790.702	(411.790.702)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		40.976.111.422	31.307.756.842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.281.882.519	4.872.955
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		593.530.183	1.312.167.239
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	35.330.432	35.330.432
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		34.065.368.288	29.955.386.216
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240+250+260)	200		150.960.929.746	155.848.300.946
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		166.080.000	166.080.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	166.080.000	166.080.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II- Tài sản cố định	220		120.179.990.353	120.648.892.426
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	72.179.367.923	72.984.125.698
- Nguyên giá	222		130.787.334.341	130.787.334.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58.607.966.418	(57.803.208.643)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.372.434	27.015.645
- Nguyên giá	228		196.872.000	196.872.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-178.499.566	(169.856.355)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	47.982.249.996	47.637.751.083
III- Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		28.783.516.609	32.443.491.294
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.763.516.609	26.423.491.294
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.020.000.000	6.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.831.342.784	2.589.837.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.831.342.784	2.589.837.226
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		405.853.262.294	433.678.430.720
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		159.793.232.644	184.069.034.251
I- Nợ ngắn hạn	310		157.239.517.430	181.394.865.645
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	34.214.623.721	42.295.972.568
2. Phải trả người bán	312		33.530.294.218	41.835.611.882
3. Người mua trả tiền trước	313		35.072.024.432	17.188.508.308
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	18.860.121.002	22.820.923.134
5. Phải trả người lao động	315		1.514.287.790	2.840.671.577
6. Chi phí phải trả	316	V.17	6.496.152.382	13.307.982.317
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KHHĐ xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	27.495.476.916	40.618.987.292
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		56.536.969	486.208.567
12. Giao dịch trái phiếu chính phủ	327			
II- Nợ dài hạn	330		2.553.715.214	2.674.168.606
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	709.200.000	730.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-128.888.833	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.953.404.047	1.924.168.606

9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		239.738.174.421	243.273.919.779
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.22	239.738.174.421	243.273.919.779
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	128.579.026.190
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		-15.905.103.159	(15.905.103.159)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416		1.986.067	(73.733.349)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.225.192.271	24.225.192.271
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.421.003.330	3.421.003.330
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-583.930.279	3.027.534.496
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	6.321.855.229	6.335.476.690
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400+439)	440		405.853.262.294	433.678.430.720

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		601,51	601,35
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải





Nguyễn Thị Hiền

Đâu Xuân Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.104.909.054	24.816.318.679	6.104.909.054	24.816.318.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.104.909.054	24.816.318.679	6.104.909.054	24.816.318.679
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.489.197.074	21.293.940.785	5.489.197.074	21.293.940.785
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		615.711.980	3.522.377.894	615.711.980	3.522.377.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.719.082.777	2.331.104.740	1.719.082.777	2.331.104.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.286.262.330	1.338.972.703	1.286.262.330	1.338.972.703
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.130.620.965	1.339.291.155	1.130.620.965	1.339.291.155
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	137.200.434	230.633.591	137.200.434	230.633.591
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	984.685.813	8.463.540.488	984.685.813	8.463.540.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		-73.353.820	-4.179.664.148	-73.353.820	-4.179.664.148
11. Thu nhập khác	31	VI.7	29.307.697	982.899.557	29.307.697	982.899.557
12. Chi phí khác	32	VI.8	988.000	807.001.784	988.000	807.001.784
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.319.697	175.897.773	28.319.697	175.897.773
14. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	45		-3.622.121.974	32.665.077	-3.622.121.974	32.665.077
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		-3.667.156.097	-3.971.101.298	-3.667.156.097	-3.971.101.298
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		-3.667.156.097	-3.971.101.298	-3.667.156.097	-3.971.101.298
18A. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			-55.691.322	-203.905.601	-55.691.322	-203.905.601
18B. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			-3.611.464.775	-3.767.195.697	-3.611.464.775	-3.767.195.697
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-380	-397	-380	-397

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2012
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Đậu Xuân Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(3.667.156.097)	(3.971.101.298)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		813.400.986	2.267.561.270
-	Các khoản dự phòng	03			
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(175.897.773)
-	Chi phí lãi vay	06		1.130.620.965	1.339.291.155
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>			(1.723.134.146)	(540.146.646)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.476.726.091	30.963.843.886
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.786.905.902)	(14.745.957.932)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.854.346.291)	(18.253.729.066)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.518.515.122)	(3.680.719.576)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(1.130.620.965)	(1.339.291.155)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		396.840.650	276.165.927
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(72.019.200)	(480.590.855)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(5.211.974.885)	(7.800.425.417)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(344.498.913)	(691.926.426)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			982.898.798
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(344.498.913)	290.972.372
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	VII.1		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại				

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
	cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.788.299.349	18.522.929.055
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.019.946.188)	(13.726.430.124)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.768.353.161</i>	<i>4.796.498.931</i>
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(2.788.120.637)</i>	<i>(2.712.954.114)</i>
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.961.236.337	36.011.532.985
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.173.115.700	33.298.578.871

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Thị Hiền

Đậu Xuân Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**Quý 1 năm 2012****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư, xây lắp, sản xuất
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
 - Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu; đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
 - Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
 - Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;

4. **Số công ty con:** 01
- Trong đó:*
- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ tại ngày 31/12/2011</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần PTIC – ZTE Công nghệ viễn thông	Lô 17H2, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	72,97%	72,97%

6. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ tại ngày 31/12/2011</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần cáp quang Việt Nam Vina – Ofc	Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	25,00%	25,00%
Công ty CP xây lắp Bưu điện Bưu điện Miền trung	50B Nguyễn Du - Quận Hải Châu TP Đà Nẵng	46.73%	46.73%

7. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ báo cáo tài chính quý 1 năm 2012 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2012

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ sử dụng trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới từ 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 05 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Bất lợi thương mại được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

10. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là Công ty chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, cụ thể: Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005 và năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo (năm 2007, năm 2008 và năm 2009).

Công ty thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 25 tháng 12 năm 2006. Theo công văn số 2861/TCT-CS ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Tổng Cục Thuế thì Công ty sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thuế thu nhập doanh nghiệp (năm 2006). Tổng hợp lại, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp hai năm (năm 2007, năm 2008) do vừa được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, vừa được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do có chứng khoán niêm yết lần đầu và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2009.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân – Xã Hoàng Liệt – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội

lại. Đối với hoạt động xây lắp, doanh thu được ghi nhận khi khối lượng công việc hoặc hạng mục công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VI.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.811.673.338	236.074.914
Tiền gửi ngân hàng	3.361.442.362	7.725.161.423
Tiền đang chuyển		
Cộng	5.173.115.700	7.961.236.337

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông và In Bưu điện	20.000	1.175.000.000	20.000	1.175.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác				
Cho Ông Nguyễn Huy Giang vay	-	1.224.671.105	-	1.224.671.105
Cộng	-	2.399.671.105		2.399.671.105

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.109.000.000)	(1.109.000.000)

4. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng	107.418.235.372	156.389.989.962
trả trước cho người bán	9.847.638.936	9.765.682.605
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Hưng Nguyên		1.238.690.800
Đối tượng khác	8.201.343.936	6.880.696.805
Các khoản phải thu khác	9.807.758.917	5.522.897.729

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân – Xã Hoàng Liệt – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.983.493.778)	(2.983.493.778)
6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường		
Nguyên liệu, vật liệu	2.016.727.656	1.815.503.226
Công cụ, dụng cụ	1.335.013.158	12.600.369
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.297.161.134	60.640.195.723
Thành phẩm	2.678.836.976	1.243.145.353
Hàng hóa	5.413.653.609	5.243.041.960
Hàng gửi đi bán	32.693.043	32.693.043
Cộng	83.774.085.576	68.987.179.674
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu sản xuất ống	-411.790.702	-411.790.702
Dự phòng giảm giá thành phẩm cấp		
Cộng	(411.790.702)	(411.790.702)
8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.281.882.519	4.872.955
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.096.075	18.096.075
Thuế xuất nhập khẩu	17.234.357	17.234.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Cộng	35.330.432	35.330.432
10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	32.741.698.598	28.309.255.076
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.355.131	801.816.581
Tài sản thiếu chờ xử lý	844.314.559	844.314.559
Cộng	34.065.368.288	29.955.386.216
11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	72.179.367.923	72.984.125.698
12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân – Xã Hoàng Liệt – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	18.372.434	27.015.645

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	47.982.249.996	47.637.751.083

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

a/ Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp sợi quang VINA – LSC (nay là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina - Ofc) dưới hình thức mua lại phần vốn của Công ty TNHH Cáp (LSC) - LG International Corporation (LGI) - Hàn quốc trong Công ty Liên doanh Sản xuất Cáp Quang VINA - LSC và chuyển đổi hình thức thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

b/ Đầu tư vào công ty CP Xây lắp Bưu điện Miền trung dưới hình thức mua cổ phiếu phát hành thêm do tăng vốn điều lệ và mua lại cổ phiếu của cổ đông nhỏ lẻ, giá trị khoản đầu tư đến 31/12/2011 là: 4.667.500.000 đ chiếm 46.73%.

Các khoản do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào Công ty liên kết, liên doanh được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty liên kết đầu kỳ 26.423.491.294

Các khoản điều chỉnh tăng giá trị ghi sổ khoản đầu tư -3.659.974.685

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết cuối kỳ 22.763.516.609

15. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty cổ phần:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh	84.000	840.000.000	84.000	840.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn thông	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Cộng		6.020.000.000		6.020.000.000

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
16. Chi phí trả trước dài hạn	1.831.342.784	2.589.837.226

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
17. Vay và nợ ngắn hạn		
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức tín dụng</i>	<i>29.926.666.396</i>	<i>37.059.476.539</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội	21.865.618.276	28.098.072.431

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân – Xã Hoàng Liệt – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội		1.994.000.000
SGD NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam	7.105.777.940	6.012.133.920
Ngân hàng Teachcombank	955.270.180	955.270.180
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>4.079.957.325</i>	<i>4.975.103.975</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>208.000.000</i>	<i>261.392.062</i>
Cộng	<u>34.214.623.721</u>	<u>42.295.972.568</u>
18. Phải trả người bán	33.530.294.218	41.835.611.882
19. Người mua trả tiền trước	35.072.024.432	17.188.508.308
20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.860.121.002	22.820.923.134
21. Phải trả CBCNV	1.514.287.790	2.840.671.577
22. Chi phí phải trả	6.496.152.382	13.307.982.317
23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27.495.476.916	40.618.987.292
24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	56.536.969	486.208.567
25. Nợ dài hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ cấp mất việc làm	-128.888.833	
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội	709.200.000	730.000.000
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	20.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	1.953.404.047	1.924.168.606
Cộng	<u>2.553.715.214</u>	<u>2.674.168.606</u>
26. Vốn chủ sở hữu		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	128.579.026.190	128.579.026.190
Cổ phiếu quỹ	(15.905.103.159)	(15.905.103.159)
Cộng	<u>212.673.923.031</u>	<u>212.673.923.031</u>
Cổ phiếu		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân – Xã Hoàng Liệt – Quận Hoàng Mai – TP Hà Nội

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(500.000)	(500.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(500.000)	(500.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của cổ đông thiểu số	8.040.210.001
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.718.354.772)
Cộng	6.321.855.229

VI. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN*Các sự kiện**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Trong kỳ kế toán không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt
 Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 30%)
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam	Công ty liên kết (tỷ lệ sở hữu 25%)

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác

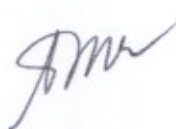
Lập, ngày 10 tháng 5 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Đậu Xuân Khánh